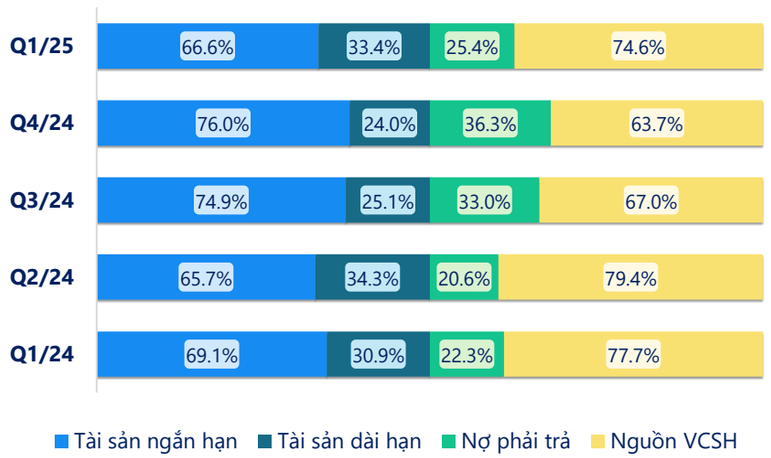
FireAnt

CTCP Công trình Giao thông Vận tải Quảng Nam (HNX: QTC)

Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	17,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	18,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,863
SL cổ phiếu LH	2,700,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	240
% sở hữu nước ngoài	1.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	47
P/E	19.9
EPS	877

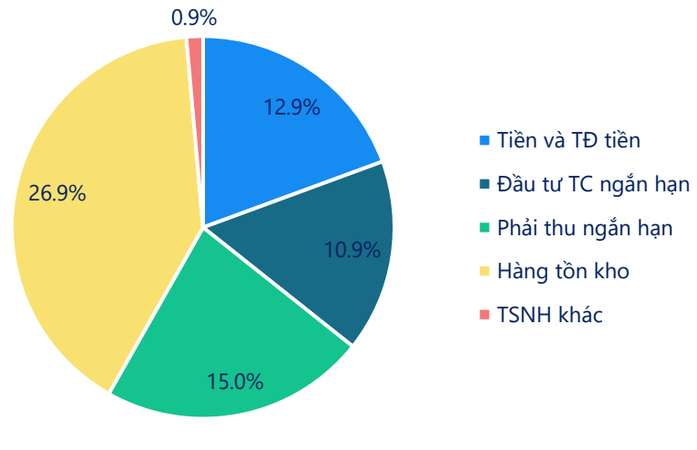
	YTD	1T	3T	6T
QTC	0.0%	6.7%	9.4%	30.0%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



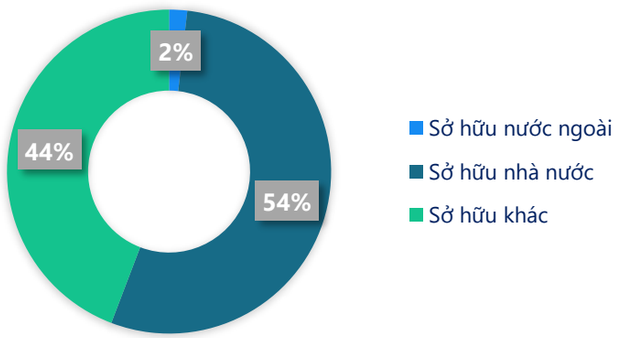
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



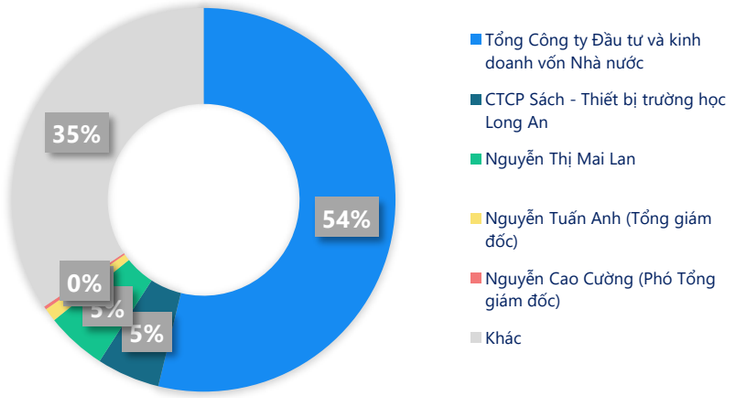
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



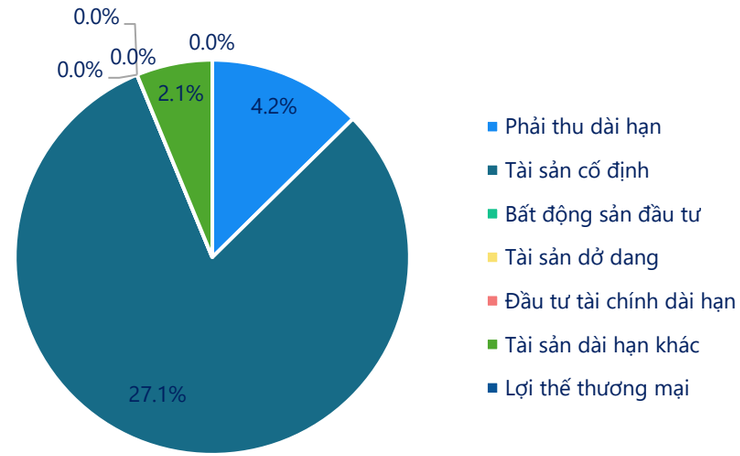
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

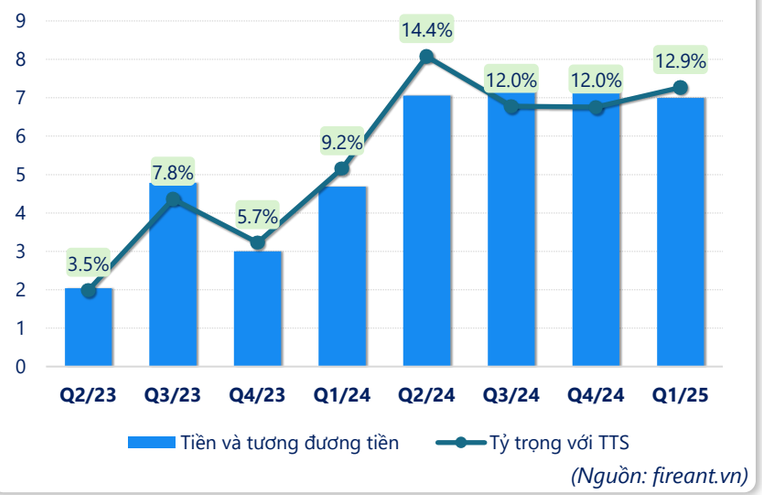


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

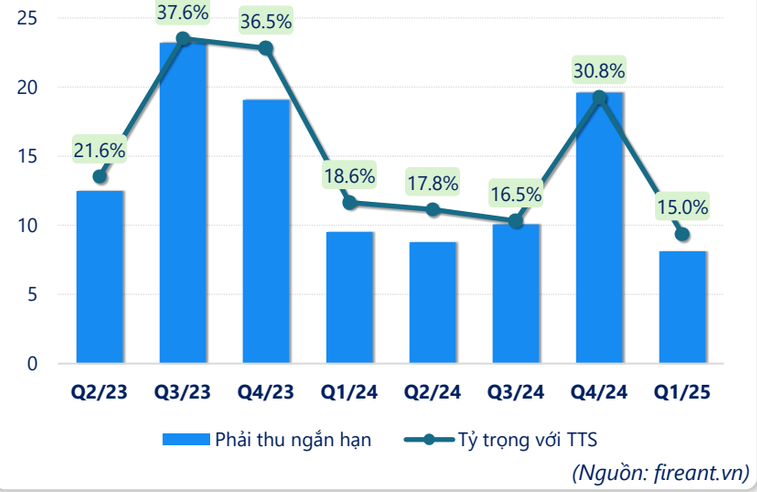
CTCP Công trình Giao thông Vận tải Quảng Nam (HNX: QTC)

Tiền và tương đương tiền



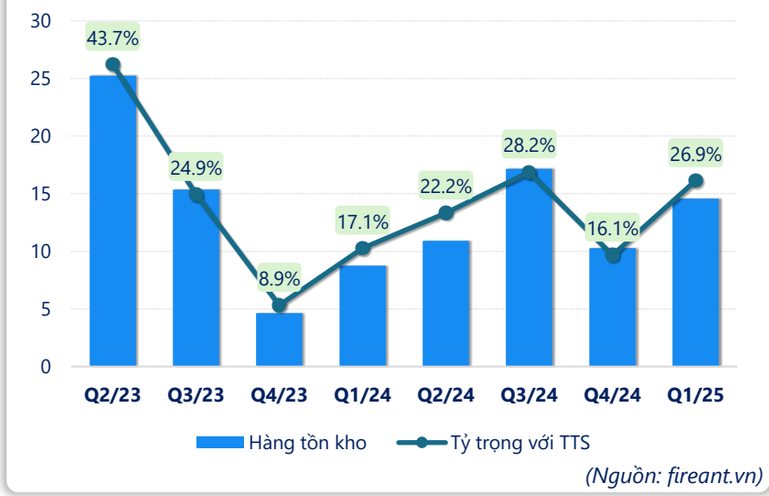
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



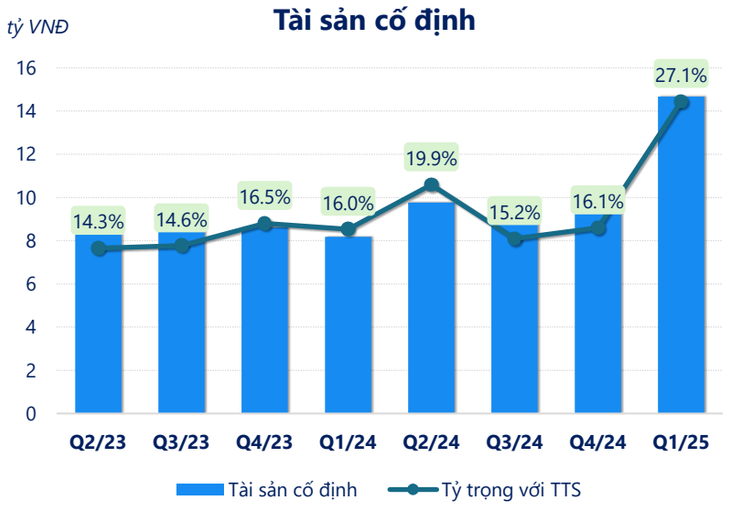
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



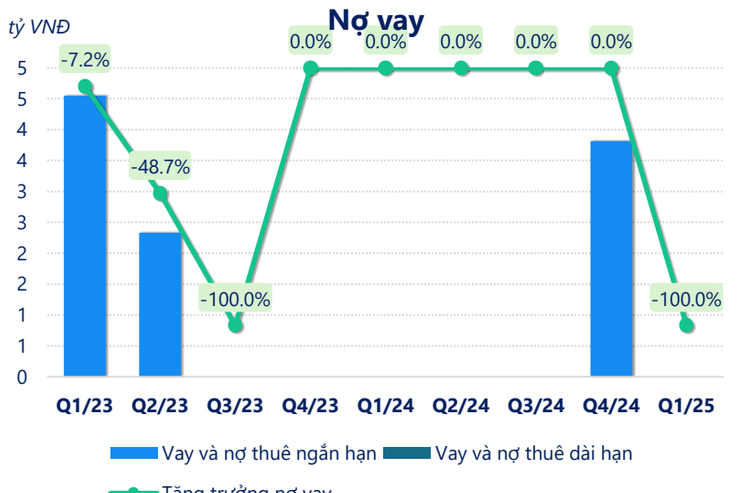
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



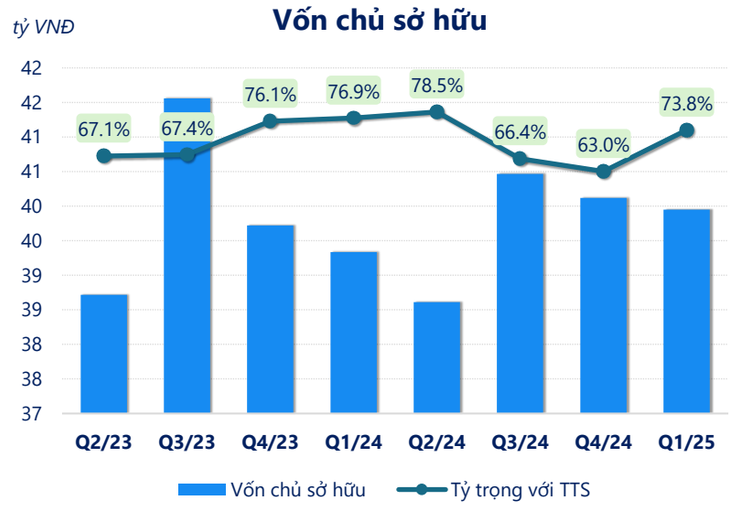
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

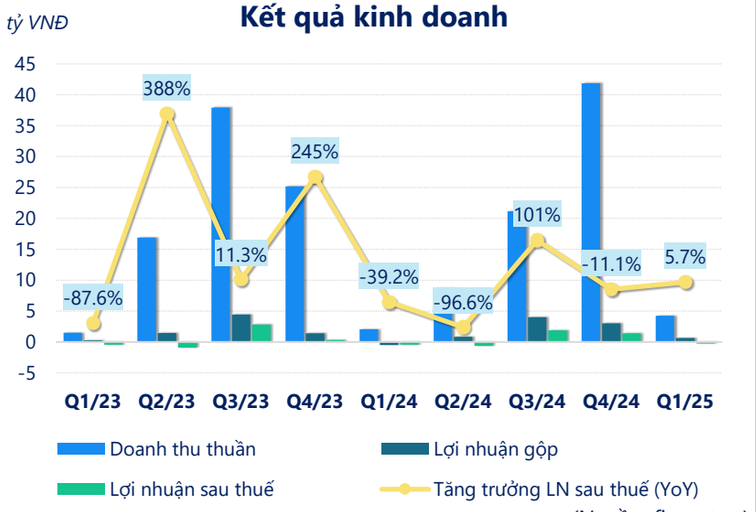


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

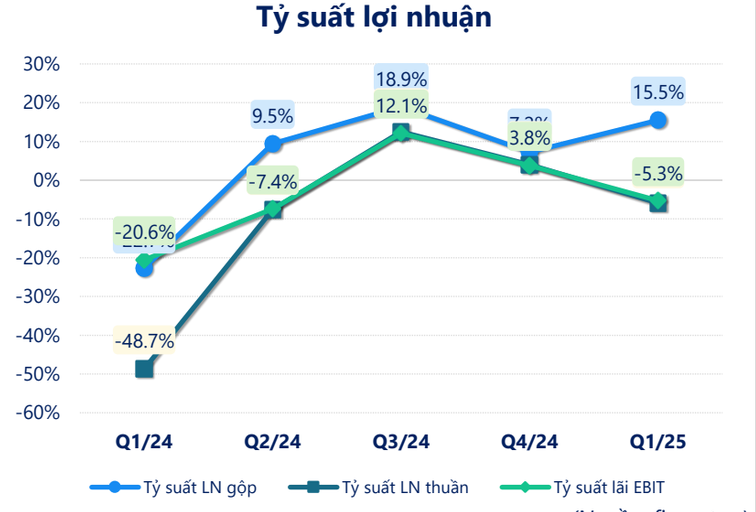
CTCP Công trình Giao thông Vận tải Quảng Nam (HNX: QTC)

Kết quả kinh doanh



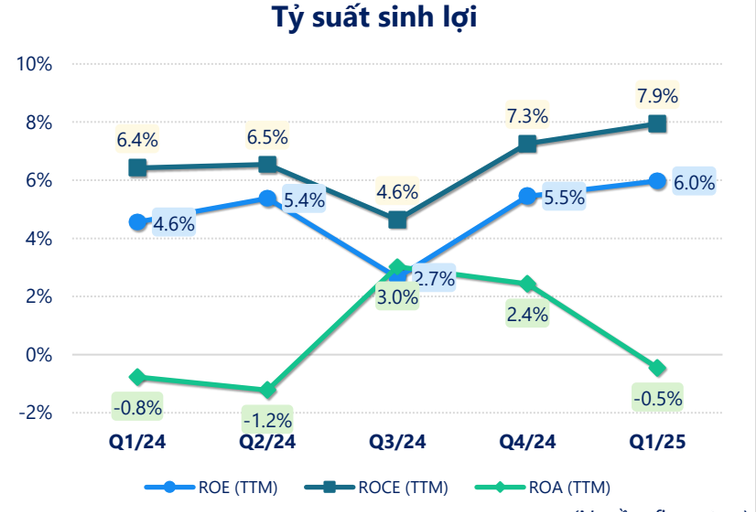
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



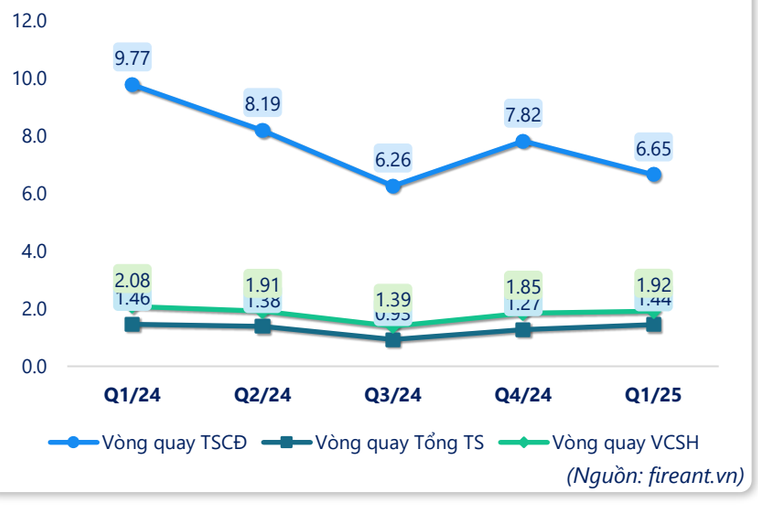
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



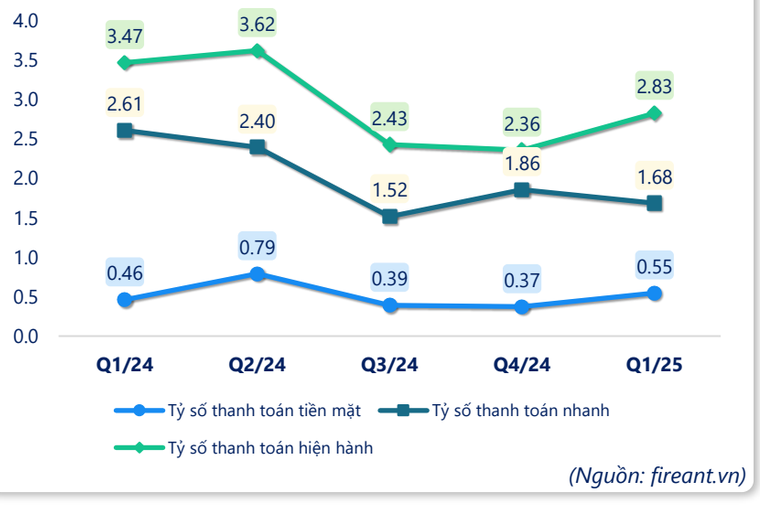
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



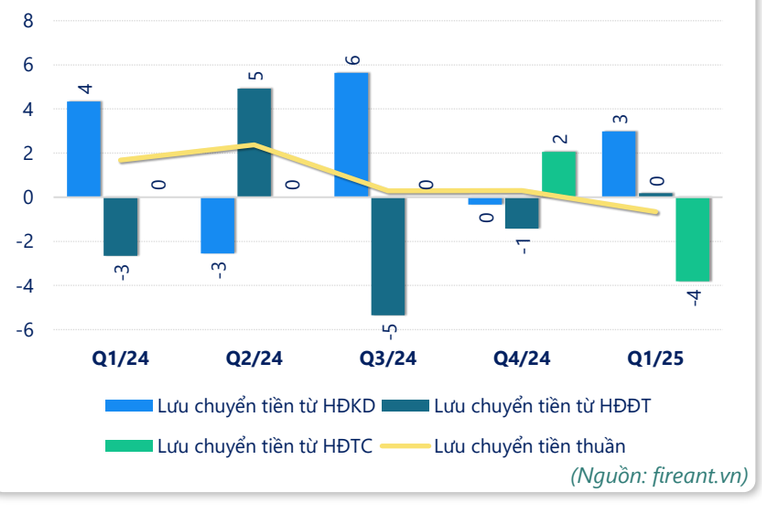
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Công trình Giao thông Vận tải Quảng Nam (HNX: QTC)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**54.1**	**63.7**	**-15.0%**
Tài sản ngắn hạn	36.1	49.9	-27.7%
Tiền và tương đương tiền	6.99	7.65	-8.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.88	10.8	-45.7%
Phải thu ngắn hạn	8.12	21.3	-61.8%
Hàng tồn kho	14.6	10.1	44.1%
Tài sản ngắn hạn khác	0.51	0.01	6525%
Tài sản dài hạn	**18.1**	**13.8**	**30.8%**
Phải thu dài hạn	2.28	2.06	10.9%
Tài sản cố định	14.7	10.3	43.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0.03	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**1.13**	**1.48**	**-23.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	13.8	23.1	-40.3%
Nợ ngắn hạn	**12.8**	**22.1**	**-42.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	3.81	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	5.90	8.25	-28.5%
Nợ dài hạn	1.02	1.02	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**40.4**	**40.6**	**-0.6%**
Vốn chủ sở hữu	**40.0**	**40.2**	**-0.6%**
Vốn điều lệ	27.0	27.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0.41**	**0.41**	**0.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	2.08	8.68	21.2	41.9	4.23
Giá vốn hàng bán	2.55	7.86	17.1	38.8	3.57
Lợi nhuận gộp	-0.47	0.82	4.01	3.03	0.65
Doanh thu HĐTC	0.12	0.09	0.08	0.15	0.11
Chi phí TC	0.02	0.01	0.04	0.03	0.09
Chi phí lãi vay	0	0	0	0.02	0.01
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	0.64	1.56	1.41	1.49	0.92
LN thuần từ HĐKD	-1.01	-0.66	2.64	1.67	-0.25
Lợi nhuận khác	0.58	0.01	-0.08	-0.11	0.01
LN trước thuế	-0.43	-0.65	2.56	1.56	-0.23
Lợi nhuận sau thuế	-0.43	-0.65	1.85	1.41	-0.24
LNST của CĐ cty mẹ	-0.43	-0.65	1.85	1.41	-0.24

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	4.34	-2.55	5.64	-0.33	2.98
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2.65	4.92	-5.35	-1.42	0.18
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	2.06	-3.81
Tiền đầu kỳ	3.00	4.68	7.06	7.35	7.65
Lưu chuyển tiền thuần	**1.69**	**2.37**	**0.29**	**0.30**	**-0.66**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	4.68	7.06	7.35	7.65	6.99

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic